TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST Ngày: 13 - 12 - 2017. Về việc tranh chấp: Xin ly hôn.	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Toàn;
2. Bà Trần Thị Thu Ba.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Huỳnh Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 13/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 210/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp *"Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXX- ST ngày 24 tháng 11 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Nguyên Đơn:* Chị T - Sinh năm: 1979; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Q – Sinh năm: 1977; Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị T và bị đơn anh Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Chị T khai trong quá trình chung sống, chị T và anh Q có mâu thuẫn do anh Q có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh Q thường xuyên đánh đập chị T. Mâu thuẫn kéo dài, đã được gia đình và địa phương hòa giải nhưng không được. Từ năm 2011, hai bên tự xa nhau cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, chị T nhận thấy tình cảm đã hết nên xin được ly hôn anh Q.

Anh Q khai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị T thấy anh có nhiều bạn bè thì ghen tuông, dẫn đến vợ chồng xích mích, cãi vã. Từ năm 2011, hai bên sống xa nhau, nhưng giữa anh Q và chị T vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Nay, anh Q nhận thấy còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là H – sinh ngày 04/11/1999, B – sinh ngày 26/01/2007. Trong đó, con chung tên H đã trưởng thành nên chị T, anh Q thống nhất không yêu cầu gì.

Đối với con chung tên B hiện nay do chị T nuôi dưỡng. Chị T, anh Q thống nhất giao cháu B cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục nuôi con chung tên B, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 24 tháng 8 năm 1999, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh Q có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Sự việc đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ năm 2011, chị T và anh Q tự sống xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị T được ly hôn anh Q.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là H – sinh ngày 04/11/1999, B – sinh ngày 26/01/2007. Trong đó, con chung tên H đã trưởng thành, các đương sự thống nhất không yêu cầu gì nên không xét.

Đối với con chung tên B lâu nay do chị T nuôi dưỡng, đã quen sống cùng chị T. Cháu B có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị T. Chị T, anh Q thống nhất giao cháu B cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để cháu B phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu B cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T làm nghề buôn bán, có thu nhập, đủ khả năng nuôi con và chị T tự nguyện không yêu cầu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu nên không xét.

[4] Về án phí DSST: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị T: Chị T được ly hôn anh Q.

2. Về con chung:

Giao con chung tên B – sinh ngày 26/01/2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại phiếu thu số AA/2015/0003958 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Đông Hòa;
- UBND xã B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Lê Thanh Huệ